

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-6-2018

Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tĩnh.

Bà Trịnh Thị Lệ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Tuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 35/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Tấn H**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: A Tỉnh lộ A, Khu phố P, Phường N, thành phố T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: A Tỉnh lộ A, Khu phố P, Phường N, thành phố T, tỉnh Long An.

(Ông H, bà D có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2018 và các lời trình bày của ông Lê Tấn H có nội dung:

Năm 2011, ông quen biết và kết hôn với bà Trần Thị D có đăng ký kết hôn tại có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Long An. Ông và bà D chung sống

hạnh phúc một thời gian, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông và bà D đã ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông và bà D có 01 con chung tên Lê Thủy Kim N sinh ngày 14/9/2012. Khi ly hôn ông yêu cầu bà D nuôi 01 con chung, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng là vào ngày 10 Dương lịch hàng tháng. Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng là khi có quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, bà Trần Thị D trình bày trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa có nội dung:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông H về thời gian kết hôn, thời gian và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng. Nay ông H yêu cầu ly hôn với bà, bà không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương chồng, vẫn nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng vẫn có thể hòa giải được.

Về con chung: bà thống nhất có 01 con chung như ông H trình bày. Nếu tòa án giải quyết cho ly hôn bà đồng ý nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Về tình cảm: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

Về con chung: Ông H yêu cầu bà D nuôi dưỡng 01 con chung, bà D cũng đồng ý nuôi con chung nên giao con chung cho bà D nuôi dưỡng, ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: ông H và bà D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Lê Tấn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị D có địa chỉ hộ khẩu thường trú, địa chỉ nơi làm việc tại thành phố T nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Tấn H và bà Trần Thị D tự tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Long An năm 2011 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của ông H thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm sống nên thường hay cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà D cho rằng vợ chồng bà tuy có mâu thuẫn nhưng vẫn có thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa ông H và bà D không còn hạnh phúc, bà D không chỉ phát sinh mâu thuẫn với ông H mà còn phát sinh mâu thuẫn với cha mẹ của ông H. Hiện tại, ông H đang ở địa chỉ A Tỉnh lộ A, Khu phố P, Phường N, thành phố T là ở chung với cha mẹ đẻ của ông H, bà D đã dọn ra ngoài ở trọ chứng tỏ rằng bà D và ông H không còn chung sống với nhau. Ông H kiên quyết ly hôn, bà D thì không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông H là có căn cứ theo quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3] Về con chung: Ông H và bà D có một (01) con chung tên Lê Thủy Kim N sinh ngày 14/9/2012. Con chung hiện đang sống với ông H nhưng ông H có nguyện vọng giao con chung cho bà D nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ. Bà D cũng có nguyện vọng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao con chung cho bà D nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng là vào ngày 10 Dương lịch hàng tháng, thời điểm bắt đầu cấp dưỡng là khi có quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[4] Ông H được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi con chung, ông H, bà D có quyền xin thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: ông H, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chuyển tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 300.000đ sang án phí sơ thẩm, ông H đã nộp xong.

[7] Ông H phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 89, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Tấn H, cho ông Lê Tấn H ly hôn với bà Trần Thị D.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Lê Thủy Kim N sinh ngày 14/9/2012 cho bà Trần Thị D nuôi dưỡng.

3. Ông Lê Tấn H phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng là vào ngày 10 Dương lịch hàng tháng, thời điểm bắt đầu cấp dưỡng là khi có quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

4. Ông Lê Tấn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi con chung, ông Lê Tấn H, bà Trần Thị D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

5. Về án phí: ông Lê Tấn H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Chuyển số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001848 ngày 22/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T thành án phí dân sự sơ thẩm, ông H đã nộp đủ.

Ông Lê Tấn H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh